

**PHỤ LỤC 11**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng nhà nước)

**TÊN TỔ CHỨC TỰ DOANH**  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

Số: .....

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ HÀNG QUÝ (Quý...../Năm.....)**  
**TÌNH HÌNH TỰ DOANH ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP RA NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối)

Đơn vị: nghìn USD

| STT   | Quốc gia/ lãnh thổ tiếp nhận đầu tư (nước đầu tư) | Hạn mức tự doanh/ Hạn mức tự doanh tạm thời | Số vốn đầu tư đã chuyển ra nước ngoài |        | Tổng giá vốn (*) |               |            |           |          | Vốn chuyển về Việt Nam |        | Lợi nhuận và thu nhập hợp pháp khác chuyển về Việt Nam |        | Hạn mức tự doanh còn lại |
|-------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------------|--------|------------------|---------------|------------|-----------|----------|------------------------|--------|--------------------------------------------------------|--------|--------------------------|
|       |                                                   |                                             | Kỳ báo cáo                            | Lũy kế | Cổ phiếu         | Chứng chỉ quỹ | Trái phiếu | Tín phiếu | Ký phiếu | Kỳ báo cáo             | Lũy kế | Kỳ báo cáo                                             | Lũy kế |                          |
| 1     | 2                                                 | 3                                           | 4                                     | 5      | 6                | 7             | 8          | 9         | 10       | 11                     | 12     | 13                                                     | 14     | 15                       |
| ..... | Nước a                                            |                                             | ...                                   | ...    | ...              | ...           | ...        | ...       |          | ...                    | ...    | ...                                                    | ...    |                          |
|       | Nước b                                            |                                             | ...                                   | ...    | ...              | ...           | ...        | ...       |          | ...                    | ...    | ...                                                    | ...    |                          |
|       | .....                                             |                                             | ...                                   | ...    | ...              | ...           | ...        | ...       |          | ...                    | ...    | ...                                                    | ...    |                          |
|       | Tổng                                              | ....                                        | ...                                   | ...    | ...              | ...           | ...        | ...       |          | ...                    | ...    | ...                                                    | ...    | ...                      |

**Ghi chú:**

(\*): Giá vốn là giá mua chứng khoán. Tỷ giá được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời Điểm phát sinh giao dịch thực tế.

Cột (3): Ghi tại dòng tổng.

Cột (6), (7), (8), (9), (10): Báo cáo số tiền đầu tư (theo giá vốn) vào từng loại giấy tờ có giá theo từng quốc gia/lãnh thổ tiếp nhận đầu tư.

Cột (15): Hạn mức tự doanh còn lại trong năm = Hạn mức tự doanh/hạn mức tự doanh tạm thời đã được NHNN xác nhận đăng ký trong năm - Số vốn đầu tư đã chuyển ra nước ngoài trong năm + Số vốn chuyển về Việt Nam trong năm.

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên, số điện thoại liên hệ)

....., ngày..... tháng.... năm.....  
**Tổ chức tự doanh**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

**Nguồn:** Thông tư 10/2016/TT-NHNN